

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo quyết định số: 25 /2007/QĐ-UBND
ngày 21/12/2007 của UBND tỉnh)

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở (THỔ CƯ) KHU VỰC CHỢ XÃ, PHƯỜNG VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

I. GIÁ ĐẤT CHỢ XÃ:

1. Giá đất theo vị trí cho từng loại chợ:

- + **Vị trí 1:** Áp dụng cho các dãy nhà (đất) đối diện với nhà lồng chợ.
- + **Vị trí 2:** Áp dụng cho khu vực thuộc chợ nhưng kém sinh lợi hơn vị trí 1.

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Loại Chợ	Vị trí 1	Vị trí 2
Loại A	2.000	1.000
Loại B	1.250	600
Loại C	600	300

2. Bảng phân loại chợ xã, thị trấn:

Số TT	Chợ loại			
	Huyện	A	B	C
1	Long Hồ	+ Phú Quới + Chợ Cầu Đôi	+ Tân hạnh	+ Long An + Thanh Đức + Đồng Phú
2	Mang Thít		+ Mỹ An	+ Nhơn Phú + Long Mỹ + Mỹ Phước + An Phước + Tân Long
3	Vũng Liêm	+Tân An luông	+ Trung Hiếu + Hiếu Phụng + Hiếu Nhơn + Quới An	+ Trung Ngãi + Trung Hiệp + Quới Thiện
4	Bình Minh		+ Tân Quới + Tân Lược	

5	Tam Bình	+ Song Phú + Mỹ Lộc	+ Đông Bình	+ Long Phú + Loan Mỹ
6	Trà Ôn	+ Hựu Thành + Vĩnh Xuân	+ Tích Thiện + Thới Hòa + Trà Côn + Hòa Bình	+ Tân Mỹ + Xuân Hiệp

3. Các Chợ xã không có trong bảng phân loại:

- Chợ xã có nhà lồng chợ :
 - + Vị trí 1: **300.000 đ/m²**.
 - + Vị trí 2: **160.000 đ/m²**.
- Chợ xã chưa có nhà lồng chợ: **220.000 đ/m²**

4. Các chợ thuộc thị xã Vĩnh Long:

Giá đất ở (thổ cư) được tính theo giá đất có đường tại vị trí đó.

II. GIÁ ĐẤT Ở KHU VỰC NÔNG THÔN:

+ Phạm vi áp dụng: Là khu vực còn lại ngoài đất ở thuộc khu vực thị xã, thị trấn, ven các trục đường giao thông và chợ xã.

+ Giá đất : **100.000 đ/m²**

Ghi chú: Đối với vị trí 2 áp dụng cho khu vực chợ. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện xác định ranh giới cụ thể.